

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **768/2022/DS - PT**
Ngày: 13/12/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Đào Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
326/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2756/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Tòa án nhân dân thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5952/2022/QĐ - PT
ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn C, sinh năm: 1973. Địa chỉ: 417/95/88M
đường Q, Phường M.0, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan
Minh S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, thành viên Công ty Luật
TNHH MTV K. Địa chỉ: 30/2A Đường N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị KC, sinh năm: 1969. Địa chỉ: 213/18 Đường P,
phường PB, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Số 22C Đường P, Phường M3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là
người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2022)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964. Địa chỉ: 213/18 Đường P, phường PB, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM. Trụ sở: Số 284/57 Đường K, Phường M4, Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T– Giám đốc điều hành. Địa chỉ: Số 666/7 Đường BH, Phường M4, Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông HT. Địa chỉ liên hệ: 284/57 Đường K, Phường M4, Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2014)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đoàn Văn C, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2014, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Đoàn Văn C trình bày:

Vào ngày 04/4/2012, các bên gồm: Ông Đoàn Văn C (bên nhận thầu), bà Nguyễn Thị KC (là chủ đầu tư) và Công ty TNHH Kiến trúc nội thất KGM (bên giao thầu – nhà thiết kế) ký hợp đồng mua bán hàng hóa 3 bên, theo đó: Ông C có trách nhiệm cung cấp, thi công hạng mục 213m² thành phẩm cửa gỗ cho bà KC với đơn giá 4.000.000 đồng/m², tổng giá trị hợp đồng là 852.000.000 đồng.

Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM có trách nhiệm giám sát kiểm tra sản phẩm về quy cách, tiêu chuẩn chất lượng, khối lượng mẫu mã, kỹ thuật, mỹ thuật. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng chất lượng thì phải thông báo ngay cho chủ đầu tư. Sản phẩm sau khi được nghiệm thu lắp đặt hoàn chỉnh trong thời gian bảo hành mà không đúng như thỏa thuận thì bên Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với chủ đầu tư (bà KC).

Bà KC có trách nhiệm: Đặt cọc 50.000.000 đồng ngay khi ký hợp đồng 3 bên; Sau khi Ông C giao và lắp đặt xong khung bao thì bà KC phải thanh toán 70% giá trị khung bao toàn bộ cửa, khi giao lắp đặt xong toàn bộ cửa, tay vịn, cục hít, bản lề, nẹp cửa, sơn PU bà KC phải thanh toán tiếp 70% giá trị toàn bộ cửa các loại. Còn 20% còn lại sẽ thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi nghiệm thu theo số lượng thực tế. Trên cơ sở hợp đồng đã ký kết, Ông C đã cung cấp, lắp đặt thi công cho bà KC số lượng cửa với tổng giá trị là 1.207.410.750 đồng. Ngoài ra trong quá trình thi công công trình theo yêu cầu của bà KC, Ông C đã cung cấp thêm số lượng hàng hóa trị giá 121.624.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hàng hóa mà Ông C đã giao cho bà KC là 1.389.034.750 đồng nhưng mà bà KC mới chỉ thanh toán cho ông được 284.000.000 đồng. Phần còn lại 1.105.043.750 đồng bà KC không thanh toán. Việc bà KC không thanh toán số tiền hàng hóa nêu trên cho Ông C là hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Nay Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị KC có

nghĩa vụ trả cho Ông C số tiền nợ chưa thanh toán là 1.105.043.750 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 01/2013 đến ngày 17/6/2022 là 862.097.500 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.907.126.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Thị KC– do bà Hồ Thị MT là đại diện trình bày:

Bà KC thống nhất với phần trình bày của Ông C về thời điểm các bên ký kết hợp đồng, giá trị hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên được ghi nhận trong hợp đồng. Tuy nhiên khi Ông C thực hiện hợp đồng thì phát sinh các vấn đề sau: Khi thi công phần khung bao, sau khi nhận hàng và đưa vào lắp ráp bà KC phát hiện 21 khung bao cửa sổ bị sai kích thước, phải đem về sửa chữa và bà KC vẫn đồng ý thanh toán 52.860.000 đồng chi phí sửa chữa phát sinh. Các khung bao sau khi được lắp đặt hoàn chỉnh vẫn chưa được sơn PU. Sau này, bà KC phải thuê Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ LH thực hiện sơn PU hoàn thiện phần khung bao toàn bộ công trình với giá 70.000.000 đồng. Khi chuẩn bị lắp ráp phần cửa, bà KC phát hiện các cửa không đúng kích thước, mẫu mã chất lượng như đã thỏa thuận nên bà KC không đồng ý cho lắp ráp và đã yêu cầu Ông C đưa về sửa chữa lại nhưng Ông C không đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà KC không đồng ý vì: Đối với phần phát sinh sau (cửa ở tầng hầm và cửa sổ áp mái) thì chi phí không nhiều như Ông C trình bày (phát sinh thêm gần 300.000.000 đồng); Trong toàn bộ đơn hàng, chỉ phần khung bao Ông C cung cấp là tương đối phù hợp với đơn hàng đã đặt nhưng vẫn chưa sơn PU. Do vậy, đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà KC chỉ đồng ý thanh toán cho Ông C giá trị phần khung bao sau khi trừ đi số tiền mà bà KC đã thanh toán là 284.000.000 và số tiền 70.000.000 đồng mà bà KC thanh toán cho Công ty LH để sơn PU khung bao, yêu cầu Ông C đến nhà bà KC nhận lại toàn bộ sổ cửa mà Ông C đã giao cho bà KC.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Kiến trúc nội thất KGM do ông HT đại diện trình bày:

Khoảng Tháng 7/2020, Ông C bắt đầu giao khung bao, ông HT có kiểm tra và ký nhận đúng số lượng. Trong quá trình kiểm tra, ông HT và ông H (là chồng của bà KC) không công nhận một số ít khung bao không đạt và yêu cầu Ông C đem về làm lại, sau đó Ông C đã làm lại theo yêu cầu của ông HT và ông H. Đến cuối năm 2012, Ông C chở cửa xuống giao, ông HT và ông H kiểm tra và ký nhận sau đó cho vào kho khóa lại để nghỉ tết. Đầu năm 2013, Ông C giao thêm một số cửa nữa, ông HT và ông H kiểm tra và ký nhận hàng. Sau đó ông H bắt đầu cung cấp phụ kiện để ông C cho thợ lắp ráp. Đến khoảng cuối tháng 4/2013, ông HT có xác nhận đã xong. Tất cả hàng của Ông C giao cho bà KC, Công ty TNHH Thiết kế Nội thất KGM đã nghiệm thu và đủ chất lượng để thi công công trình. Đối với tiền mua bán hàng hóa giữa các bên Công ty không có ý kiến gì và Công ty cũng không có yêu cầu gì vì Công ty đã làm hết trách nhiệm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông hoàn toàn không biết, ông có thấy chở hàng đến nhưng ông không quan tâm vì ông không muốn dính dáng vào công việc của bản hợp đồng. Do ông không biết gì về việc mua bán của bà KC nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2756/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 285, Điều 432, Điều 550, Điều 556 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí Lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Buộc bà Nguyễn Thị KC phải thanh toán số tiền cửa gỗ theo Hợp đồng mua bán chuẩn loại Gỗ căm xe Lào-kính Việt Nhật 8 mm mài 2,5cm ký ngày 04/4/2012 cho phía ông Đoàn Văn C là 976.012.250 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị KC phải thanh toán số tiền lãi là 862.097.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị KC có trách nhiệm thanh toán số tiền 976.012.250 đồng cho ông Đoàn Văn C làm một lần và ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao toàn bộ số cửa gỗ do phía ông Đoàn Văn C cung cấp cho phía bà Nguyễn Thị KC (hiện để tại nhà của bà Nguyễn Thị Kim C, số 213/18 Đường P, phường PB, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Nguyễn Thị KC được sở hữu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/7/2022, Nguyên đơn ông Đoàn Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 30/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị KC kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị KC thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán chuẩn loại Gỗ căm xe Lào-kính Việt Nhật 8 mm mài 2,5cm ký ngày 04/4/2012 cho phía ông Đoàn Văn C là 976.012.250 đồng, tuy nhiên không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị KC phải thanh toán số tiền lãi là 862.097.500 đồng là không đúng, vì từ tháng 4/2013 đến nay do bà KC còn thiếu tiền hàng chưa thanh toán nên Ông C đã phải vay tiền của Ngân hàng để trang trải chi phí và hàng tháng phải trả lãi.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị KC phải thanh toán số tiền lãi là 862.097.500 đồng.

Nguyên đơn trình bày:

Có cùng ý kiến với luật sư, không bổ sung ý kiến nào khác.

Đại diện bị đơn trình bày:

Bị đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do bản án sơ thẩm có thiếu sót như sau:

Không xét lỗi của nguyên đơn trong việc thực hiện hợp đồng; Bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng, không cho nguyên đơn sửa chữa cửa là không phù hợp thực tế. Ngay khi phát hiện hàng hóa giao sai với thiết kế bị đơn yêu cầu nguyên đơn sửa chữa lại cho đúng nhưng Ông C không thực hiện, vì vậy hợp đồng không thực hiện được là do lỗi ông Cương. Bà KC đã nhiều lần yêu cầu Ông C sửa chữa nhưng Ông C không sửa chữa mà bỏ lại toàn bộ cửa gỗ tại sân và tầng hầm ở nhà bà KC (từ năm 2013). Hành vi của Ông C là vi phạm Điều 1 Hợp đồng và Điều 412 Bộ luật Dân sự 2005.

Việc bà KC chưa nhận hàng là do Ông C vi phạm hợp đồng, ngay khi phát hiện Ông C giao hàng không đúng thiết kế, kích cỡ là đúng quy định khoản 2 Điều 437 Bộ luật Dân sự 2005 “Yêu cầu giao đúng chủng loại và bồi thường thiệt hại”. Vì lỗi Ông C không thực hiện việc sửa chữa các cánh cửa không đúng thiết kế do đó chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bà KC. Các bên không tiến hành nghiệm thu là do lỗi của ông C. Bà KC có quyền chưa thanh toán hợp đồng cho Ông C do Ông C vi phạm hợp đồng theo Điều 2, 4 của Hợp đồng và Điều 415 Bộ luật Dân sự 2005. Công ty KGM có lỗi trong việc giám sát vì chỉ cử người nhận hàng chứ không kiểm tra giám sát sản phẩm.

Ngoài ra còn thiếu sót trong việc giải quyết vụ án: Xác định bà KC đơn phương chấm dứt hợp đồng là không có căn cứ; Cần giám định lại sản phẩm để xác định xem sản phẩm có đúng với thiết kế và bảng thống kê cửa nhà anh H chi C và thẩm định giá lại xem giá trị cửa dày 50mm với 37mm khác nhau như thế nào? Xác định giá trị còn lại của sản phẩm là bao nhiêu?. Nhầm lẫn trong áp dụng pháp luật xác định “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” nhưng lại áp dụng quy định pháp luật về hợp đồng gia công.

Vì các lý do trên, đề nghị cấp phúc thẩm nếu không sửa chữa khắc phục được án sơ thẩm thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và số tiền bà KC phải thanh toán cho Ông C là 975.122.250 đồng, chi phí tố tụng. Án phí phúc thẩm các bên chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn C và bị đơn bà Nguyễn Thị KC trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Do tranh chấp xảy ra vào năm 2014 cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật tại thời điểm tranh chấp để giải quyết vụ kiện là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Theo Hợp đồng mua bán – Chuẩn loại gỗ cấm xe Lào-kính Việt Nhật ký ngày 04/04/2012 giữa các bên bao gồm Bên A - bà Nguyễn Thị KC (chủ đầu tư), Bên B - Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM (bên giao thầu – nhà thiết kế, Bên C - ông Đoàn Văn C (bên nhận thầu), các bên thỏa thuận mua bán chuẩn loại Gỗ cấm xe Lào-kính Việt Nhật 8 mm mài 2,5cm. Quá trình thực hiện hợp đồng bên Ông C đã hoàn thành việc sản xuất và lắp đặt khuôn bao gỗ lên công trình và đã được phía bà KC thanh toán tiền khuôn bao và đồng ý trả tiền sửa chữa khuôn bao. Phần cánh cửa gỗ thì phía Ông C đã hoàn thành, vận chuyển đến công trình, đã được đại diện của Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM (là phía được bà KC đồng ý giao nhiệm vụ kiểm tra chất lượng, quy cách sản phẩm) xác nhận là làm đúng quy cách và cho lắp đặt lên công trình. Tuy nhiên, sau khi cửa được lắp lên và ba bên chưa có tổ chức nghiệm thu, lập biên bản nghiệm thu thì phía bà KC đã cho rằng toàn bộ cửa do phía Ông C cung cấp là không đúng chất lượng (chủng loại) gỗ Lào, không đúng quy cách đã thỏa thuận và cho gỡ xuống toàn bộ. Bà KC xác định sau khi phát hiện sản phẩm giao không đúng theo như hợp đồng các bên thỏa thuận bà đã thực hiện đúng theo quy định của khoản 2 Điều 437 Bộ

luật Dân sự năm 2005 tuy nhiên Ông C né tránh không thực hiện sửa chữa. Xét thấy, theo quy định Điều 437 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp vật được giao không đúng chủng loại thì bên mua có một trong các quyền sau đây:*

- 1. Nhận và thanh toán theo giá do các bên thỏa thuận;*
- 2. Yêu cầu giao đúng chủng loại và bồi thường thiệt hại;*
- 3. Hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”*

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bà KC xác định đã nhiều lần thông báo Ông C về sản phẩm không đúng mẫu mã quy cách và yêu cầu Ông C sửa chữa mà Ông C né tránh nhưng không đưa chứng cứ chứng minh rằng bà có thông báo cũng như yêu cầu sửa chữa, Ông C cũng không thừa nhận sự việc này, điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của đại diện bà KC tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/7/2022 (Bút lục 452), trong trường hợp này đáng lẽ khi không đồng ý với sản phẩm nguyên đơn đã giao do sai mẫu mã kích thước thì bà KC phải thực hiện việc thông báo ngay cho phía Ông C biết về việc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 426 Bộ luật Dân sự năm 2005: *“Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường”*, bà KC đã không thông báo và yêu cầu Ông C sửa chữa mà lại giao đơn vị khác thi công toàn bộ phần cửa của công trình chứng tỏ bà KC đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông C. Bản án sơ thẩm nhận định bà KC đã đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với Ông C là đúng tuy nhiên áp dụng quy định pháp luật điều khoản hợp đồng gia công của Bộ luật Dân sự năm 2005 là chưa chính xác, hội đồng xét xử nhận thấy việc áp dụng pháp luật này không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm như yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

Theo lời khai của Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM cho biết toàn bộ cửa sổ do Ông C giao đã được làm đúng mẫu đã duyệt và chụp hình lại trong vi bằng, Hợp đồng quy định: *“Sản phẩm sau khi được nghiệm thu và lắp đặt hoàn chỉnh trong thời gian bảo hành mà sản phẩm không đúng về chất lượng, quy cách, kỹ thuật mỹ thuật hoặc hư hỏng thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm thiệt hại cho bên A trước pháp luật”*, hợp đồng không quy định cụ thể sản phẩm không đúng theo hợp đồng và không quy định những trường hợp các bên được đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng như vậy Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM thực hiện chức năng giám sát đã xác định sản phẩm đã làm đúng theo mẫu cho phù hợp với thực tế, bà KC đã nhận hàng thì phải thanh toán theo giá do các bên thỏa thuận nên cấp sơ thẩm buộc bà KC phải bồi thường toàn bộ chi phí gia công và lắp đặt cửa gỗ cho Ông C theo giá gia công hai bên đã thống nhất là có căn cứ, đúng pháp luật. Cụ thể, giá trị phải bồi thường là:

Khối lượng cửa gỗ đã được phía Ông C giao đến công trình, được phía đại diện của Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM nghiệm thu và cho lắp lên:

+ Theo Bảng Thống kê cửa nhà Anh Hiếu Chị Chi – Q9 do bà KC cung cấp ngày 23/12/2019 thì: Tổng cộng toàn bộ khuôn bao là 678.44 m; Tổng cộng toàn bộ cửa là 228,671 m²; Tổng cộng toàn bộ giá trị công trình là 1.207.410.750 đồng;

- Theo 06 Hóa đơn đặt hàng, gồm số 6 ngày 04/7/2012, số 7 ngày 04/7/2012, số 7 ngày 04/7/2012, số 8 ngày 10/9/2012, số 9 ngày 26/12/2012, số 10 ngày 26/12/2012 và số 11 ngày 13/3/2012. Thì tổng giá trị của số khuôn bao và cửa đã được phía Ông C giao và có ký nhận của đại diện của Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất KGM là ông HT có tổng giá trị là 1.329.064.250 đồng;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà KC đã thanh toán cho phía Ông C được 284.000.000 đồng, (số tiền 52.860.000 đồng tiền sửa chữa khuôn bao là chi phí phát sinh ngoài hợp đồng mà bà KC đã đồng ý trả cho phía ông C, không tính vào tranh chấp). Ngoài ra, phía Ông C còn chưa thực hiện phần kính Việt Nhật 8 ly trị giá 59.942.000 đồng.

Như vậy: Số tiền phía bà KC còn phải thanh toán cho phía Ông C do đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là: 1.329.064.250 đồng – (284.000.000 đồng + 59.942.000 đồng + 10.000.000 đồng) = 975.122.250 đồng. Bản án sơ thẩm ghi nhận số tiền là 976.012.250 đồng là chưa chính xác, cần sửa lại.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm trả của nguyên đơn, nhận thấy: Hợp đồng mua bán giữa các bên không có quy định thời hạn phải hoàn thành hợp đồng, chỉ quy định các bên phải việc phải nghiệm thu và có biên bản bàn giao 3 bên rồi mới thanh toán, các bên xác định vẫn chưa tổ chức nghiệm thu chưa ký biên bản nghiệm thu sản phẩm, nghiệm thu sản phẩm và thanh toán tiền theo tiến độ thực hiện như trong Hợp đồng mua bán chuẩn loại Gỗ căm xe Lào-kính Việt Nhật 8 mm mài 2,5 cm ký ngày 04/4/2012 đã thỏa thuận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm trả số tiền là 862.097.500 đồng.

Đối với toàn bộ số cửa gỗ do đã buộc phía bà KC phải trả toàn bộ chi phí gia công làm cửa gỗ nên nghĩ giao toàn bộ số cửa gỗ do phía Ông C cung cấp đã giao đến nhà bà KC hiện còn để trong nhà bà KC cho phía bà KC sở hữu là thỏa đáng.

Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

[3] Về chi phí tố tụng, nguyên đơn đã đóng tạm nộp chi phí thẩm định giá lần 1, bị đơn đã đóng tạm nộp chi phí thẩm định giá lần 2, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu tự nguyện chịu lần 1, bị đơn đồng ý chịu chi phí thẩm định giá lần 2 nếu Tòa xác định bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền cho nguyên đơn. Như vậy chi phí thẩm định giá do các bên tự nguyện chịu.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009. Do nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trên số tiền 975.122.250 đồng phải thanh toán cho nguyên đơn) là 41.253.667 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần yêu cầu tiền lãi 862.097.500 đồng không được chấp thuận) là 37.862.925 đồng, nhưng được trừ vào số tiền nguyên đơn đã tạm nộp án phí 22.575.656 đồng được thu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2012/05526 ngày 28/8/2014 và 11.945.394 đồng thu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003802 ngày 28/12/2017, nguyên đơn phải nộp thêm 3.341.875 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 285, Điều 426, Điều 432, Điều 437 Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật thi hành án dân sự; Pháp lệnh án phí Lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị KC

3. Sửa bản án sơ thẩm:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn C như sau: Buộc bà Nguyễn Thị KC phải thanh toán số tiền của gỗ theo Hợp đồng mua bán chuẩn loại Gỗ căm xe Lào-kính Việt Nhật 8 mm mài 2,5cm ký ngày 04/4/2012 cho ông Đoàn Văn C là 975.122.250 (Chín trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

Bà Nguyễn Thị KC có trách nhiệm thanh toán số tiền 975.122.250 (Chín trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi) đồng cho ông Đoàn Văn C làm một lần và ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Giao toàn bộ số cửa gỗ do phía ông Đoàn Văn C cung cấp cho phía bà Nguyễn Thị KC (hiện ở tại nhà của bà Nguyễn Thị KC, số 213/18 Đường P, phường PB, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Nguyễn Thị KC được sở hữu.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị KC phải thanh toán số tiền lãi là 862.097.500 (Tám trăm sáu mươi hai triệu, không trăm chín bảy nghìn, năm trăm) đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá do các bên tự nguyện chịu.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 37.862.925 (Ba mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng, nhưng được trừ vào số tiền nguyên đơn đã tạm nộp án phí 22.575.656 (Hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi sáu) đồng được thu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2012/05526 ngày 28/8/2014 và 11.945.394 (Mười một triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm chín bốn) đồng thu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003802 ngày 28/12/2017. Ông Đoàn Văn C phải nộp thêm 3.341.875 (Ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị KC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.253.667 (Bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Đoàn Văn C phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027841 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị KC không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà KC số tiền tạm ứng án phí bà KC đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028095 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các thương hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân TP. TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. TD;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Kim Thúy